

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày: 16-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ánh Dương và ông Đặng Hữu Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST ngày 11/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/HSST-QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Mạc Thị G, sinh năm 1973 tại xã A, huyện N, tỉnh H;

Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh H;

Nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mạc Đức L và bà Nguyễn Thị M; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; có chồng là Trương Văn T và 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Kho bạc Nhà nước huyện N;

Địa chỉ: Đường H, thị trấn N, huyện N, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thu H – Giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường THCS N, huyện N;

Địa chỉ trụ sở: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Hồng H - Hiệu trưởng trường THCS N, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Vương Thị O, sinh năm 1988;
Trú tại: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh H, vắng mặt;
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và chị Mạc Thị H, sinh năm 1980, vắng mặt;
Đều trú tại: Khu 14, phường N, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
3. Chị Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1979;
Trú tại: Số nhà 14b, đường T, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
4. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1971;
Trú tại: Số nhà 13, phố M, phường L, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
5. Anh Nghiêm Trọng H, sinh năm 1972;
Trú tại: Khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
6. Chị Cao Thị H, sinh năm 1985;
Trú tại: Số 13 ngõ 229, đường Đ, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
7. Chị Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1984;
Trú tại: Số 117, phố P, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
8. Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1966;
Trú tại: Số 109, phố N, phường H, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
9. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960;
Trú tại: Thị trấn N, huyện N, tỉnh H, vắng mặt;
10. Chị Trương Thị Hải Y, sinh năm 1971;
Trú tại: Số 19 ngách 34/195 khu 11 phường B, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;
11. Chị Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1973;
Trú tại: Khu Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh H, vắng mặt;
12. Chị Đào Thị Thu Y, sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh H, vắng mặt;

13. Anh Quách Đại D, sinh năm 1977;

Trú tại: 26/96 phố C, phường B, thành phố H, tỉnh H, vắng mặt;

14. Anh Phạm Văn A, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh H, vắng mặt;

15. Anh Trương Văn T, sinh năm 1969;

Trú tại: Số 141 phố C, phường T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường trung học cơ sở N, huyện N, tỉnh H có mở 03 tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện N, tỉnh H. Mạc Thị G là kế toán trường Trung học cơ sở N, huyện N từ năm 1993. Do có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên Mạc Thị G đã 07 lần tự giả mạo chữ ký của Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở N, huyện N (chủ tài khoản), lập 09 bộ hồ sơ chứng từ giả để chiếm đoạt tiền từ tài khoản của nhà trường do Kho bạc Nhà nước huyện N trực tiếp quản lý và kiểm soát thu, chi với tổng số tiền là 135.492.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn*) đồng. Cụ thể như sau:

Từ năm 2007 đến năm 2008, Mạc Thị G 04 lần giả mạo chữ ký của bà Trương Thị Hải Y – Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở N (*là chủ tài khoản*), lập 05 bộ chứng từ giả rút tiền mặt từ tài khoản của nhà trường tại Kho bạc Nhà nước huyện N, trong đó **ngày 12/10/2007**, lập 02 bộ chứng từ giả rút từ tài khoản số 311.01.00.00106 gồm 01 bộ chứng từ rút 9.900.000 (*Chín triệu chín trăm nghìn*) đồng, 01 bộ chứng từ rút 12.140.000 (*Mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn*) đồng. G nhờ chị Mạc Thị H là em của G ký nhận người nhận tiền để rút tiền mặt. Ngày 12/3/2008, Mạc Thị G lập 01 bộ chứng từ giả rút từ tài khoản 321.01.00.00087 số tiền 32.250.000 (*Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng. G nhờ anh Nguyễn Văn T là em của G ký nhận người nhận tiền để rút tiền mặt. Ngày 15/10/2008, lập 01 bộ chứng từ giả rút từ tài khoản 945.03.00.00024 số tiền 13.500.000 (*Mười ba triệu năm trăm nghìn*) đồng. Sử dụng chứng minh thư nhân dân và giả mạo chữ ký của chị Đào Thị Thu Y là giáo viên của trường ký là người nhận tiền để rút tiền mặt. Ngày 09/12/2008, G lập 01 bộ chứng từ giả rút từ

tài khoản 945.03.00.00024 số tiền 9.550.000 (*Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn*) đồng. G nhờ Vương Thị O là cháu của G ký nhận người nhận tiền để rút tiền mặt.

Năm 2009, Mạc Thị G 03 lần giả mạo chữ ký của bà Nguyễn Thị C - Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở N (là chủ tài khoản), lập 04 bộ chứng từ giả để chuyển khoản số tiền mua máy vi tính, máy in và rút tiền từ tài khoản của nhà trường tại Kho bạc Nhà nước huyện N quản lý. Cụ thể, ngày **11/3/2009, lập 01** bộ chứng từ giả chuyển khoản thanh toán số tiền 10.530.000 (*Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn*) đồng cho công ty TNHH A có địa chỉ số 333, đường N, thành phố H từ tài khoản số 321.01.00.00087 của nhà trường để mua 01 máy tính, 01 máy in mang về nhà sử dụng. **Ngày 21/4/2009, G lập 01** bộ chứng từ giả rút từ tài khoản 321.01.00.00087 số tiền 20.362.800 (*Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm*) đồng. **Ngày 27/5/2009, lập 02 bộ chứng** từ giả rút từ tài khoản số 321.01.00.00087 gồm 01 bộ chứng từ giả rút số tiền 23.500.000 (*Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn*) đồng, 01 bộ chứng từ giả rút số tiền 3.760.000 (*Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn*) đồng. Hai lần rút tiền trên, G đều nhờ Vương Thị O là cháu của G ký nhận người nhận tiền để rút tiền mặt. Toàn bộ số tiền G đã chiếm đoạt được đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/5/2009, trường Trung học cơ sở N, huyện N phát hiện hành vi vi phạm của Mạc Thị G và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện N. Tại công văn số 114/CV-UBND ngày 06/7/2009, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 47/GĐ ngày 24/7/2009 của phòng Kỹ thuật Công an tỉnh Hải Dương kết luận Chữ ký tại mục *Thủ trưởng đơn vị, Hiệu trưởng, Duyệt báo giá, Người mua hàng, Chủ tài khoản* trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1-A3) và chữ ký trên tờ giấy kê ngang có mẫu chữ ký của bà Nguyễn Thị C và tại các mục *Người viết, Đại diện khu dân cư (trường học), Hiệu trưởng, Người chứng kiến* trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1-M9) không phải là chữ ký của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 83/GĐ ngày 15/10/2009 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận chữ ký mang tên Trương Thị Hải Y trên các tài liệu cần giám định (Từ A1-A7) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu (M1-

M3) không phải do cùng một người ký.

Trong quá trình điều tra, Mạc Thị G bị mắc bệnh về tâm thần kinh. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Viện pháp y tâm thần trung ương I kết luận thời điểm từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2009 (là thời điểm thực hiện hành vi phạm tội) Mạc Thị G không mắc bệnh tâm thần. **G mắc bệnh tâm thần từ ngày 20/7/2009.** Theo loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F43.21. G không đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Mạc Thị G. G đã chữa bệnh bắt buộc tại Bệnh viện tâm thần kinh trung ương I - Bộ y tế lần 1 từ ngày 09/8/2010 đến ngày 26/7/2011; lần 2 từ ngày 17/10/2011 đến ngày 18/4/2017.

Ngày 30/3/2017, Hội đồng giám định - Viện pháp y tâm thần trung ương I kết luận Mạc Thị G đã khỏi bệnh. Ngày 05/4/2017, VKSND huyện Nam Sách ra quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Về trách nhiệm dân sự: Mạc Thị G đã tự nguyện nộp trả lại toàn bộ số tiền 135.492.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn*) đồng đã chiếm đoạt.

Về vật chứng: 01 CPU Orient, 01 màn hình vi tính hiệu HP, 01 máy in hiệu Canon 2900 đã qua sử dụng, các phụ kiện đi kèm (bàn phím, dây cắm) đã được trả lại cho G.

Bản Cáo trạng số 51/VKS-HS ngày 07/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố Mạc Thị G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm d, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mạc Thị G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g (*phạm tội nhiều lần*) khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 44 Bộ luật hình sự; **Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015**; xử phạt bị cáo Mạc Thị G 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù, được trừ vào thời gian bị cáo bắt buộc chữa bệnh là 6 năm 5 tháng 18 ngày. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; không áp dụng hình phạt bổ sung; về dân sự và vật chứng không phải giải quyết; về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy

định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mạc Thị G là kế toán trưởng Trung học cơ sở N, huyện N, tỉnh H. Từ tháng 10/2007 đến tháng 5/2009, G đã có hành vi gian dối giả mạo chữ ký của Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở N, huyện N là chủ tài khoản, 07 lần lập hồ sơ chứng từ giả để rút tiền mặt và chuyển khoản từ tài khoản của nhà trường do Kho bạc Nhà nước huyện N trực tiếp quản lý chiếm đoạt tổng số tiền là 135.492.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn*) đồng.

Hành vi của Mạc Thị G bằng thủ đoạn gian dối đã 07 lần giả mạo chữ ký của Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở N - chủ tài khoản để lập 09 bộ hồ sơ chứng từ giả nhờ người khác rút tiền từ ngân sách Nhà nước nhằm chiếm đoạt tài sản của Nhà nước do Kho bạc Nhà nước huyện N trực tiếp quản lý là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng danh nghĩa của trường Trung học cơ sở N để chiếm đoạt số tiền 135.492.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn*) đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo có bố được được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; sau khi hành vi lừa đảo ngày 27/5/2009 bị phát hiện, bị cáo đã đầu thú khai nhận thêm 6 hành vi khác; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Kho bạc Nhà nước huyện N. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo G đã 07 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm; bị cáo bằng thủ đoạn gian dối lập chứng từ giả để rút tiền mặt từ ngân sách Nhà nước, đã xâm phạm đến tài sản của Nhà nước do Kho bạc Nhà nước huyện N trực tiếp quản lý, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g (*phạm tội nhiều lần*), điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. [Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX sẽ căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 xác định tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước không phải là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.](#)

Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo G đã mắc bệnh về tâm thần kinh và Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã có Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện tâm thần kinh Trung ương I - Bộ y tế, bị cáo G đã chấp hành lần 1 từ ngày 09/8/2010 đến ngày 26/7/2011; lần 2 từ ngày 17/10/2011 đến ngày 18/4/2017. Tổng thời gian bắt buộc chữa bệnh của bị cáo G là **06 năm 05 tháng 18 ngày**. Căn cứ vào Điều 44 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đối trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh khi quyết định thi hành hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo G phải điều trị bệnh tâm thần trong một thời gian dài, hiện nay không có việc làm và đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 CPU Orient, 01 màn hình vi tính hiệu HP, 01 máy in hiệu

Canon 2900 đã qua sử dụng, các phụ kiện đi kèm (bàn phím, dây cắm) là tài sản do bị cáo sử dụng tiền phạm tội để mua. Đến nay, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đã trả lại bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo G đã tự nguyện nộp trả lại toàn bộ số tiền 135.492.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn*) đồng cho Kho bạc Nhà nước huyện N; người đại diện theo pháp luật của Kho bạc Nhà nước huyện N không yêu cầu bồi thường gì khác, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi của Vương Thị O, Mạc Thị H, Nguyễn Văn T giúp Mạc Thị G ký chứng từ rút tiền nhưng không bàn bạc, không biết việc G lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

Bà Trương Thị Hải Y, bà Nguyễn Thị C không biết G giả mạo chữ ký, lập chứng từ để chiếm đoạt tài sản; chị Hoàng Thị Kim O không biết việc lợi dụng sơ hở lấy dấu của nhà trường để đóng dấu vào chứng từ. Quá trình điều tra, bà Y, bà C và chị O đã tích cực cùng với Cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét đặt ra xử lý.

Đối với kế toán, kế toán trưởng, thủ quỹ, giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện N không biết việc G làm giả hồ sơ chứng từ để rút tiền; cán bộ phòng Tài chính huyện N đã thực hiện việc kiểm tra theo đúng quy định nên không đặt ra xử lý.

Bà Dương Hồng H là người đại diện theo pháp luật của Trường Trung học cơ sở N không yêu cầu bị cáo G phải có trách nhiệm đối với việc sử dụng tài khoản của trường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mạc Thị G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g (*phạm tội nhiều lần*) khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 44 Bộ luật hình sự. [Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật](#)

hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mạc Thị G 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, được trừ vào thời gian bị cáo bắt buộc chữa bệnh là 6 năm 5 tháng 18 ngày. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Mạc Thị G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CQCSĐT - Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thanh Tuấn